TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 26/2023/HNGĐ-ST
Ngày 28/4/2023
V/v: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Giáp Quang Huy.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Thiện, 2. Ông Nguyễn Quốc Sửu.

- Thư ký phiên toà: Ông Phạm Văn Nam - Thư ký Toà án huyện T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Ông Ngô Văn Tuấn - Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 28/4/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Giang, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 280/2022/TLST-HNGĐ ngày 21/10/2022, về việc "Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2023/QĐXXST-DS ngày 21/02/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2023/QĐST-DS ngày 10/3/2023, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 05/2023/QĐST-DS ngày 31/3/2023, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc A, sinh năm 1997; địa chỉ: Thôn H, xã N, huyện Th, tỉnh Bắc Ninh (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Thân Văn M, sinh năm 1997; địa chỉ: Thôn Đ, xã Ng, huyện T, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ghi ngày 03/10/2022 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc A trình bày:

Chị kết hôn với anh Thân Văn M ngày 25/10/2017, kết hôn do tự nguyện, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ng, huyện T theo quy định pháp luật. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị chung sống cùng gia đình nhà chồng. Thời gian mấy năm đầu, vợ chồng chung sống hòa thuận, không có mâu thuẫn gì lớn xảy ra, kể từ tháng 10/2022, thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách và quan điểm sống giữa hai vợ chồng không hợp nhau, do đó vợ chồng thường xảy ra cãi cọ, xô xát với nhau. Do mâu thuẫn trầm vợ chồng trầm trọng, nên đầu tháng 10/2022 chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại thôn H, xã N, huyện Th, tỉnh Bắc Ninh ở và vợ chồng sống ly thân từ đó cho tới nay, không còn quan tâm gì đến

nhau nữa. Nay chị xác định mẫu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên chị yêu cầu Toà án giải quyết cho chị ly hôn anh M.

- Về con chung: Vợ chồng chị sinh được 02 con chung là Thân Thị Diễm Q, sinh ngày 09/9/2017 và Thân Thị Quỳnh Tr, sinh ngày 02/12/2018, hiện cả hai con đang ở cùng ông bà nội. Nay ly hôn, do anh M đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, nên chị yêu cầu Tòa án giao cho chị được trực tiếp nuôi cả 02 con, chị không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con cùng chị.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, công sức đóng góp, ruộng canh tác: Chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

* Đối với bị đơn anh Thân Văn M đã được Tòa án giao các văn bản tố tụng thông qua bà Hoàng Thị V (mẹ đẻ anh M) và bà V đã giao cho anh M, nhưng anh M đều vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai tài liệu, chứng cứ và hòa giải và các phiên tòa (không có lý do). Tòa án tiến hành xác minh chính quyền địa phương và bà V, được biết: Hiện anh M và chị A là công dân và có hộ khẩu thường trú tại thôn Đ, xã Ng, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Tuy nhiên, chị A về nhà bố mẹ đẻ tại thôn H, xã N, huyện Th, tỉnh Bắc Ninh ở từ tháng 10/2022, còn anh M đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản từ ngày 16/2/2023 đến nay chưa về, bà V mẹ anh M cũng không biết cụ thể địa chỉ của anh M tại Nhật Bản như thế nào, nhưng anh M vẫn liên lạc với bà V qua điện thoại mạng Zalo. Tòa án đã gửi văn bản yêu cầu anh M cung cấp địa chỉ ở tại Nhật Bản và yêu cầu anh M trình bầy ý kiến của mình về yêu cầu ly hôn, yêu cầu nuôi con sau ly hôn của chị A. Văn bản trên được giao cho bà V để bà V gửi sang Nhật Bản cho anh M qua điện thoại mạng Zalo.

Ngày 17/4/2023, bà V giao cho Tòa án đơn trình bầy của anh M ghi nội dung: A đã nhận được văn bản của Toà án do bà V gửi qua điện thoại mạng Zalo. Nay anh nhất trí ly hôn theo yêu cầu của cô A, nhưng anh không đồng ý giao cho cô A nuôi con chung, vì lý do cô A nợ tiền nhiều người, kinh tế của cô A rất khó khăn, mặt khác, cô A đang ở nhờ nhà bố mẹ đẻ, nên không đủ điều kiện nuôi con sau khi ly hôn nếu được Tòa án giao. Trong đó, các con anh đang ở cùng ông bà nội và vẫn khỏe mạnh bình thường. Tuy anh không có mặt ở nhà nhưng hàng tháng anh vẫn gửi tiền về để ông bà nội nuôi dưỡng các con anh đảm bảo. Do đó, anh đề nghị Tòa án tiếp tục giao các con của anh cho ông bà nội nuôi như hiện nay.

* Đại diện Viện Kiểm sát trình bầy quan điểm:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã thực hiện đúng và đầy đủ đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, như: Xác định đúng thẩm quyền giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp theo khoản 1 Điều 28; xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của đương sự theo khoản 2, khoản 3 Điều 68; xác minh, thu thập chứng cứ đầy đủ, đúng quy định từ Điều 93 đến Điều 97, đảm bảo

thời hạn chuẩn bị xét xử theo Điều 203, lập hồ sơ đúng quy định tại Điều 204, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai tài liệu, chứng cứ và hòa giải đúng quy định từ Điều 205 đến Điều 211, giao các văn bản tố tụng cho các đương sự đầy đủ, đúng quy định tại Điều 177, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát còn chậm theo quy định tại khoản 2 Điều 220 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục về phiên tòa sơ thẩm.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Chị A chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 71; anh M chưa chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Cụ thể: Vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai tài liệu, chứng cứ, hòa giải và các phiên tòa.

- Đề xuất: Áp dụng, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 69, Điều 71, Điều 72, Điều 73, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

+ Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Ngọc A ly hôn anh Thân Văn M.

+ Về con chung: Giao chị Nguyễn Thị Ngọc A nuôi con Thân Thị Diễm Q, sinh ngày 09/9/2017 và Thân Thị Quỳnh Tr, sinh ngày 02/12/2018. Cấp dưỡng nuôi con các bên không yêu cầu, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

+ Về án phí: Chị A chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân, gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đối với bị đơn anh M đã được Tòa án giao các văn bản tố tụng hợp lệ thông qua bà V (mẹ anh M), nhưng anh M không đến Tòa án để làm việc, vắng mặt tại các phiên họp tiếp cận công khai tài liệu, chứng cứ và hòa giải, vắng mặt tại các phiên tòa (không có lý do). Tòa án thụ lý vụ án ngày 21/10/2022, nhưng đến ngày 16/2/2023 anh M mới đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản. Tòa án đã thông báo bằng văn bản yêu cầu anh M trình bầy ý kiến, cung cấp địa chỉ của anh M tại Nhật Bản cho Tòa án và anh M đã được bà V gửi cho văn bản này qua điện thoại mạng Zalo. Song đơn trình bầy của anh M không ghi địa chỉ của anh M tại Nhật Bản để cung cấp cho Tòa án. Như vậy, đây là trường hợp cố tình dấu địa chỉ. Trong đó, qua xác minh được biết, thời điểm thụ lý vụ án, anh M đang cư trú tại thôn Đ, xã Ngọc Thiên, huyện T, đến ngày 16/02/2023 anh M mới đi xuất khẩu Lao động tại Nhật Bản. Do đó xác định Tòa án nhân dân huyện T thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. A M vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt

anh M theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Chị A kết hôn với anh M ngày 25/10/2017, kết hôn do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ng, huyện T theo quy định pháp luật, nên xác định là hôn nhân hợp pháp. Nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn của vợ chồng là do bất đồng trong quan điểm sống, vợ chồng thường xảy ra cãi cọ, xô xát với nhau, vợ chồng sống ly thân từ tháng 10/2022 cho đến nay, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Như vậy, có căn cứ để xác định: Quan hệ hôn nhân giữa chị A và anh M đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy nay chị A xin ly hôn anh M là có căn cứ, nên được chấp nhận.

- Về con chung: Chị A và anh M sinh được 02 con chung là Thân Thị Diễm Q, sinh ngày 09/9/2017 và Thân Thị Quỳnh Tr, sinh ngày 02/12/2018. Nay ly hôn, chị A yêu cầu Tòa án giao cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con và chị không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con cùng chị. A M đề nghị Tòa án tiếp tục giao cho ông bà nội nuôi các con của anh như hiện nay.

Nhận thấy: Kể từ tháng 10/2022, chị A bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại thôn H, xã N, huyện Th, tỉnh Bắc Ninh ở cho đến nay. A M đang đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản khong có mặt tại Việt Nam. Hiện cháu Quỳnh, cháu Trang đang ở cùng với ông bà nội tại thôn Đ, xã Ng, huyện T, tỉnh Bắc Giang và cũng do ông bà nội trực tiếp nuôi dưỡng. Hiện chị A đang làm công nhân tại Công ty SAMSUNG, với mức lương 12.000.000đ/tháng (theo bảng thanh toán lương do chị A cung cấp). Tuy nhiên, tại khoản 2 Điều 69 Luật hôn nhân và gia đình, quy định: *" nghĩa vụ và quyền của cha mẹ về việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vị dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình"* và tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình quy định: "*Vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con;…."*. Nay do anh M, chị A không thỏa thuận được về người trực tiếp nuôi con, nên Tòa án xem xét để quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con. Như vậy, nay ly hôn chị A yêu cầu Tòa án giao cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật, nên cần được chấp nhận. A M không nhất trí giao cho chị A trực tiếp nuôi 02 con chung và đề nghị Tòa án giao cho ông bà nội nuôi các con của anh như hiện nay là kkông phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, nên không có căn cứ để chấp nhận. Về cấp dưỡng nuôi con, chị A không yêu cầu, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, công sức đóng góp, ruộng canh tác: Chị A và anh M không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[8] Về án phí: Chị A phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 177, điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 69, Điều 71, Điều 72, Điều 73, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Ngọc A ly hôn anh Thân Văn M.

2. Về con chung: Giao chị Nguyễn Thị Ngọc A nuôi con Thân Thị Diễm Q, sinh ngày 09/9/2017 và Thân Thị Quỳnh Tr, sinh ngày 02/12/2018. Chị Nguyễn Thị Ngọc A và anh Thân Văn M không trực tiếp nuôi con, được quyền thăm con chung, không ai được cản trở chị A và anh M thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc A phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân, gia đình sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thu số 0011889 ngày 21/10/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T (xác nhận chị A đã thi hành xong án phí).

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt hoặc niêm yết công khai bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã Ngọc Thiên;
- Các đương sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Giáp Quang Huy